



Công ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Trụ sở chính: 929-931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, Quận 12, TPHCM

Điện thoại: (84-8) 37 17 3201 37

Fax: (84-8) 37 27 34 54 37 17 32 01

Website: <http://www.imecovn.com.vn>

2020 **BÁO CÁO** **THƯỜNG NIÊN**

MỤC LỤC

PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP	5
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	39
PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	49
PHẦN V: BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	53
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	59



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

SXKD : sản xuất kinh doanh

CBCNV: Cán bộ công nhân viên

CTCP: Công ty cổ phần

TNHH MTV: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

HĐQT: Hội đồng quản trị

BGD: Ban Giám Đốc

BKS: Ban kiểm soát

LNST: Lợi nhuận sau thuế

LNTT: Lợi nhuận trước thuế





CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Sơ đồ tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro trong kinh doanh



THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty: Công ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Tên viết tắt: IMETRO JSC

Mã cổ phiếu: IME

Vốn điều lệ: 35.999.480.000 đồng

Trụ sở chính: 929-931 Quốc lộ 1A – phường Thới An, Quận 12, TPHCM

Điện thoại: (028) 3717 3201 – 37

Fax: (028) 3727 3454 – 3717 3201

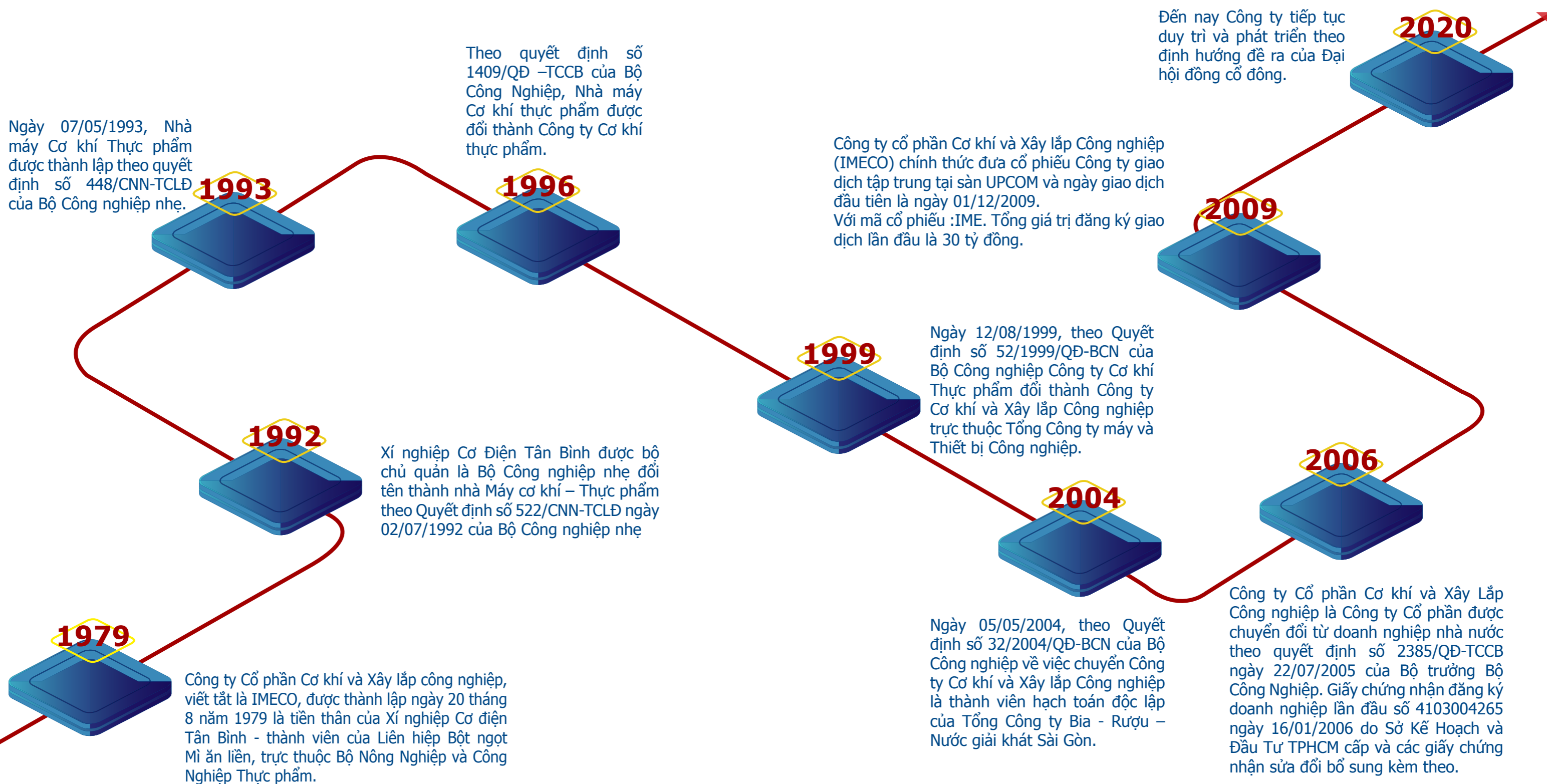
Email: info@imecovn.com.vn

Website: <http://www.imecovn.com.vn>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300628797 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 16/01/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/07/2016.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, máy móc, thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước và hoàn thiện công trình;
- Lắp đặt các thiết bị hạ thế và trung thế đến 22KV;
- Chế tạo là lắp dựng kết cấu thép, sản xuất tấm lợp – xà gồ thép và khung nhà tiền chế (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho bãi (chỉ thực hiện đối với những phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt);
- Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp bao gồm: công trình giao thông, công trình cấp thoát nước, khai thác cung cấp nước sạch và xử lý nước thải;
- Kinh doanh bất động sản.

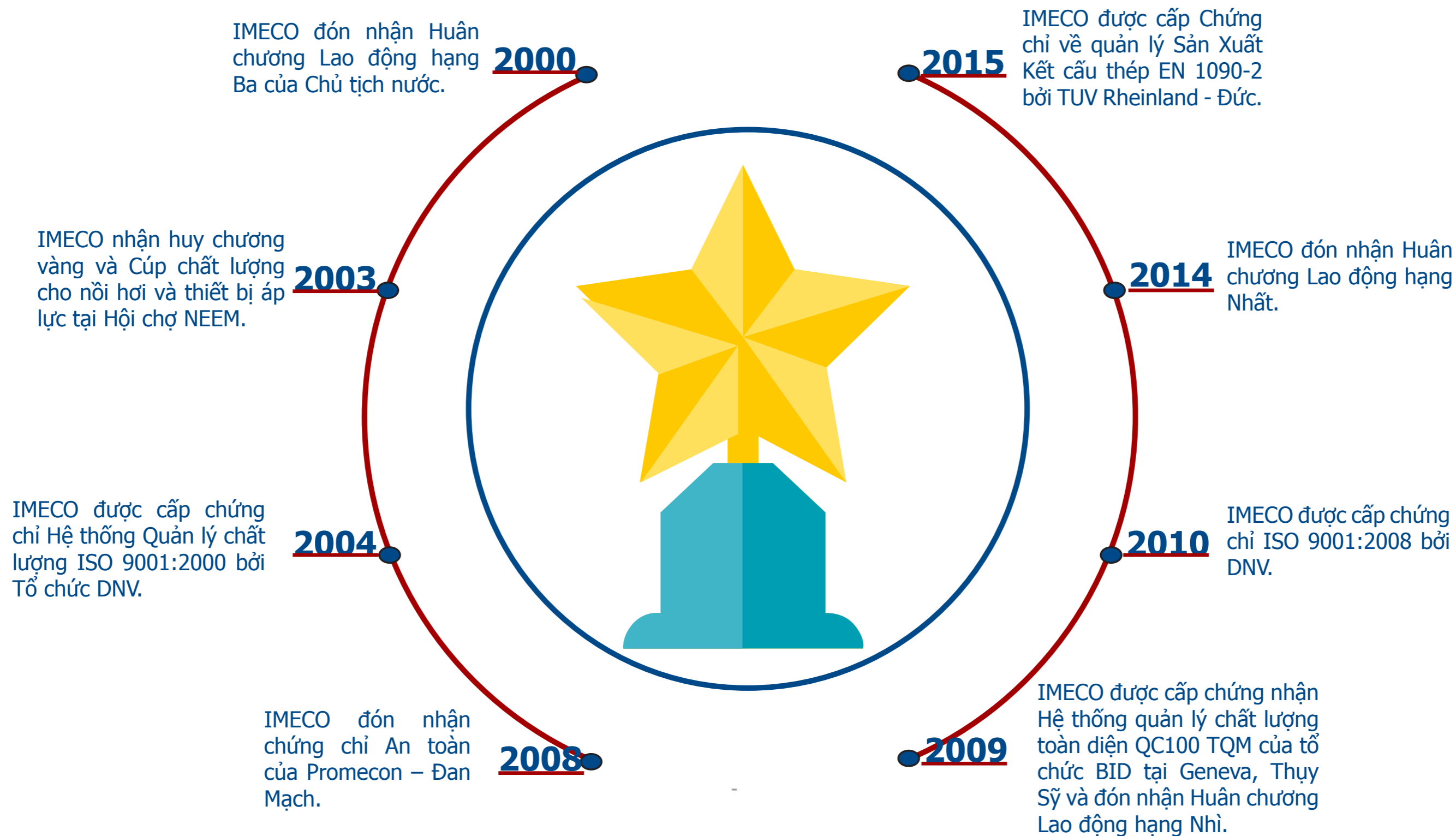
ĐỊA BÀN KINH DOANH



- Công ty hoạt động chủ yếu tại thị trường Việt Nam và phát triển mạnh mẽ ở khu vực phía Nam, IMECO là đối tác của các doanh nghiệp ở những quốc gia khác nhau như Mỹ, Hàn, Nhật Bản, Thái Lan, Nga, Trung Quốc, khu vực Châu Âu và các nước Trung Đông.
- Triển vọng trong tương lai Công ty sẽ phát triển toàn diện cả lãnh thổ Việt Nam cũng như mở rộng phạm vi hợp tác của mình trên toàn thế giới.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn nỗ lực phát huy khả năng của mình và đạt được một số thành tựu tiêu biểu sau:



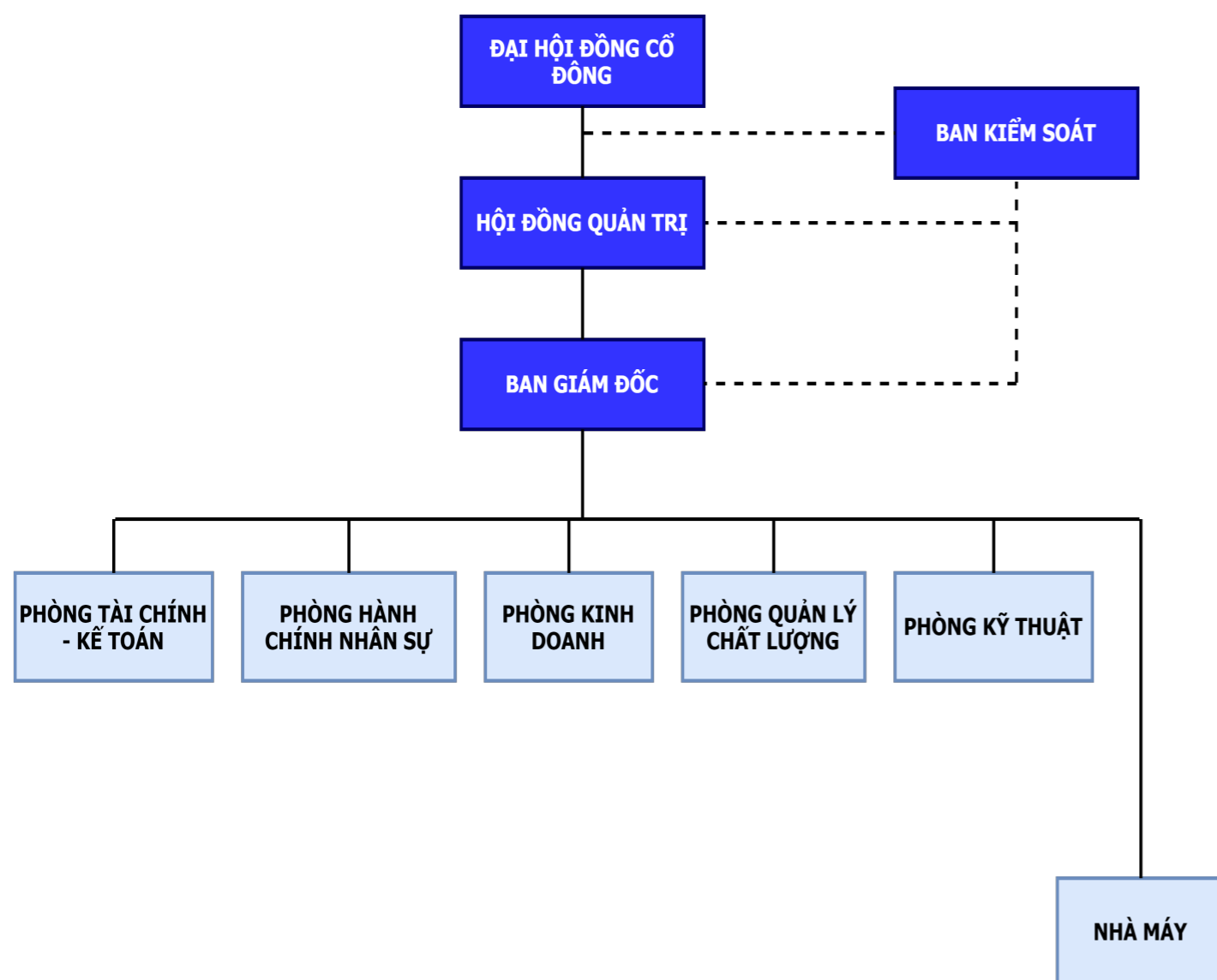
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc
- Ban kiểm soát

TỔ CHỨC BỘ MÁY



Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA Công ty

Tâm nhìn:

Về sản xuất

- Chế tạo sản phẩm đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng;
- Đào tạo nguồn nhân lực để nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động nhằm nâng cao năng suất lao động cũng như chất lượng sản phẩm;
- Không ngừng hoàn thiện hệ thống máy móc công nghệ để tạo ra sản phẩm tối ưu và tăng khả năng cạnh tranh về giá cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra.

Về tiêu thụ

- Luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác và kiếm thêm những khách hàng tiềm năng, cũng như tạo uy tín và tín nhiệm đối với khách hàng cũ, tìm được chỗ đứng vững chắc trên thị trường;
- Cập nhật và dự báo thông tin thị trường để xây dựng kế hoạch kinh doanh an toàn hiệu quả với thời gian hòa vốn nhanh.

Về doanh thu và lợi nhuận

- Nghiên cứu biện pháp tăng sản lượng, tăng doanh thu để giảm thời gian sản xuất, chi phí nhân công;
- Bám sát thực tiễn kinh doanh của Công ty để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình tài chính của doanh nghiệp tại khoảng thời gian đó;
- Đặt mục tiêu tăng trưởng cho Công ty để có những bước tích cực trong việc hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh cũng như trong cơ cấu xây dựng kế hoạch kinh doanh của tổ chức.



Chiến lược phát triển dài hạn và bền vững:

Chiến lược phát triển dài hạn

Trong bối cảnh nền kinh tế năng động và phát triển mạnh mẽ như hiện nay, nhu cầu về sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp tăng cao trong khi các đối thủ nước ngoài vốn dĩ đã sở hữu công nghệ sản xuất tiên bộ, nguồn lực tài chính mạnh đang ồ ạt tấn công vào thị trường Việt Nam, bởi lẽ đó việc duy trì lợi thế cạnh tranh lâu dài là một chiến lược rất quan trọng. Để đảm bảo điều này, Công ty tập trung vào hai chiến lược chính là đầu tư máy móc thiết bị tân tiến và khác thác tối đa thị trường tiêu thụ hiện tại và mở rộng hơn nữa

Chiến lược phát triển bền vững

Tập trung chủ yếu vào hoạt động kinh doanh tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp, Công ty còn phải quan tâm đến các yếu tố môi trường để đảm bảo an toàn cho con người và môi trường sống , cụ thể:

- Tối thiểu hóa các tác động tiêu cực mà hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra cho môi trường thông qua việc hạn chế các chất thải độc hại, kiểm soát việc sử dụng nguồn nhiên liệu và năng lượng đầu vào nhằm đảm bảo các nguồn nguyên vật liệu được sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả.
- Đảm bảo tuân thủ các điều khoản bảo hộ cho người lao động, tạo môi trường làm việc an toàn hiệu quả. Nghiêm túc thực hiện quy định của nhà nước về chế độ lương thưởng đối với CBCNV trong Công ty.



RỦI RO TRONG KINH DOANH

Rủi ro tỷ giá

Ngành công nghiệp cơ khí là một trong những ngành xuất khẩu mạnh ở Việt Nam. Tuy nhiên do dịch Covid-19, giao thương giữa các quốc gia tạm ngừng khiến cho mọi hoạt động xuất khẩu giữa các quốc gia cũng bị đình trệ. Hoạt động chủ yếu của IMECO là xuất khẩu sản phẩm cơ khí theo đơn đặt hàng và thường phát sinh giao dịch đồng ngoại tệ với các quốc gia như Mỹ, EU (28 quốc gia), Anh... Chính vì vậy tình hình biến động kinh tế ở các quốc gia khác trên thế giới tác động rất lớn đến tỷ giá đồng Việt Nam với đồng ngoại tệ gây ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro này, Doanh nghiệp luôn chủ động nắm bắt thông tin gây biến động tỷ giá như tình hình kinh tế, chính trị tại các nước mà Công ty đang có đơn hàng để có những dự báo kịp thời về tỷ giá hoặc thu hồi nợ hợp lý.

Rủi ro nguồn nhân lực

Với quy mô rộng lớn cũng như đặc thù ngành đòi hỏi kỹ năng tay nghề cao, ngành công nghiệp Cơ Khí đòi hỏi nguồn nhân lực dồi dào và có trình độ kỹ thuật cao. Tuy nhiên Việt Nam là quốc gia đang phát triển trong lĩnh vực này, nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao còn hạn chế về chất lượng và số lượng.

Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã chủ động đào tạo lao động chất lượng cao để phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Ngoài ra, Công ty luôn xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở với chính sách lương, thưởng hợp lý.

Rủi ro pháp luật

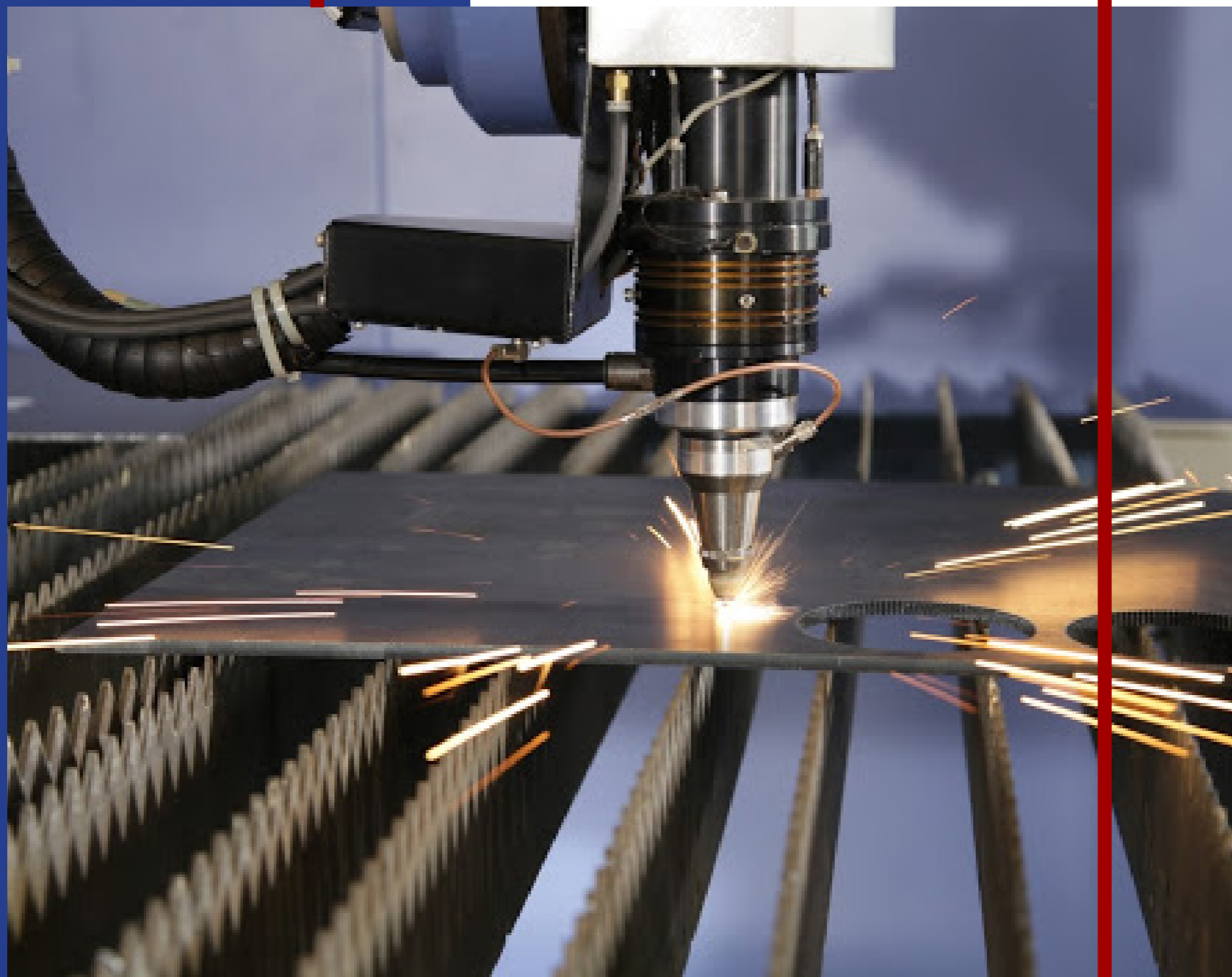
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp đang hoạt động dưới dạng Công ty cổ phần và được đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom nên chịu sự ràng buộc của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các văn bản dưới luật khác. Vì vậy Công ty đã luôn theo dõi các thay đổi trong chính sách pháp luật của Chính phủ để có kế hoạch điều chỉnh thực hiện đúng theo quy định tránh ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Rủi ro đặt thù ngành

Đặc thù hoạt động của IMECO là sản xuất theo đơn hàng. Vì vậy, khi không có đơn hàng đồng nghĩa với việc Công ty đang đối mặt với bài toán thua lỗ bởi tiền lương nhân công, tiền thuê đất, chi phí cố định cho việc vận hành máy móc vẫn phải được duy trì liên tục. Đặc biệt sự cạnh tranh mạnh mẽ của các tổ chức nước ngoài trong ngành này luôn là mối đe dọa lớn tới thị phần hoạt động của IMECO, nếu các đơn hàng đều rơi vào tay đối thủ thì hoạt động kinh doanh của Công ty có khả năng rủi ro rất cao. Nhận thức được mức độ nguy hiểm của rủi ro này, IMECO luôn chủ động giữ mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác trong nước cũng như các quốc gia khác như Hà Lan, Nhật, Hàn Quốc...nơi mà Việt Nam vẫn lợi thế về chi phí nhân công và chi phí gia công.

Rủi ro khác

Tương lai, trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, IMECO còn có thể phải đối mặt với nhiều rủi ro khác nhau mà doanh nghiệp khó kiểm soát được như hỏa hoạn, thiên tai... khi những rủi ro này xảy ra, hàng hóa, tài sản và nhân viên Công ty sẽ bị ảnh hưởng dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng bị gián đoạn.



PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Tổ chức và nhân sự

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn
đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và
cộng đồng

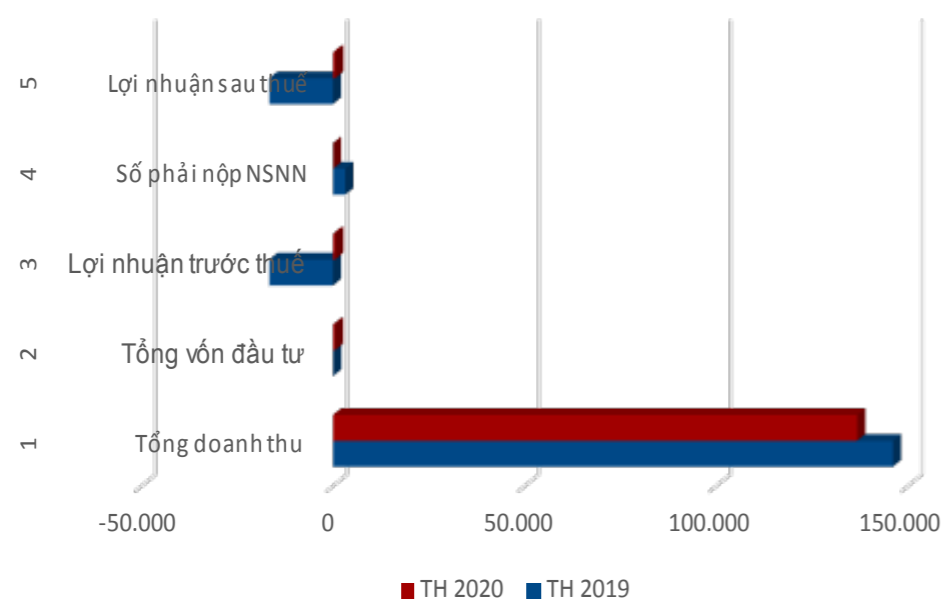
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	TH 2019	KH 2020	TH 2020	TH 2020/ TH2019 (%)	TH 2020/ KH2020 (%)
1	Tổng doanh thu	147.244	151.626	138.486	94,05	91,33
2	Tổng vốn đầu tư	76	2.500	550	721,78	22
3	Lợi nhuận trước thuế	(16.633)	7.000	582	-	8,31
4	Số phải nộp NSNN	3.190	2.042	1.501	47,05	73,51
5	Lợi nhuận sau thuế	(16.636)	7.000	582	-	8,31

2020 là năm đầy khó khăn của IMECO nói riêng và doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung khi phải gánh chịu tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Với hoạt động xuất khẩu là chủ yếu, IMECO đang gặp khó khăn rất lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Mặc dù vậy IMECO đã nỗ lực thực hiện công tác tìm kiếm đơn hàng và tắt toán các hợp đồng còn dang dở giúp cho tổng doanh thu trong năm đạt 138.486 triệu đồng chỉ giảm nhẹ so với số thực hiện năm 2019 tương đương với 94,05% và đạt 91,33% so với kế hoạch đã đặt ra. Ngoài ra tình hình lợi nhuận trước thuế và sau thuế chỉ đạt có 8,31% so kế hoạch, tuy nhiên lợi nhuận tăng mạnh từ giá trị âm lên giá trị dương và đạt 582 triệu đồng năm 2020. Việc này đánh dấu sự trở lại của IMECO trên thương trường cạnh tranh ngày một mạnh mẽ hơn.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 so với 2019



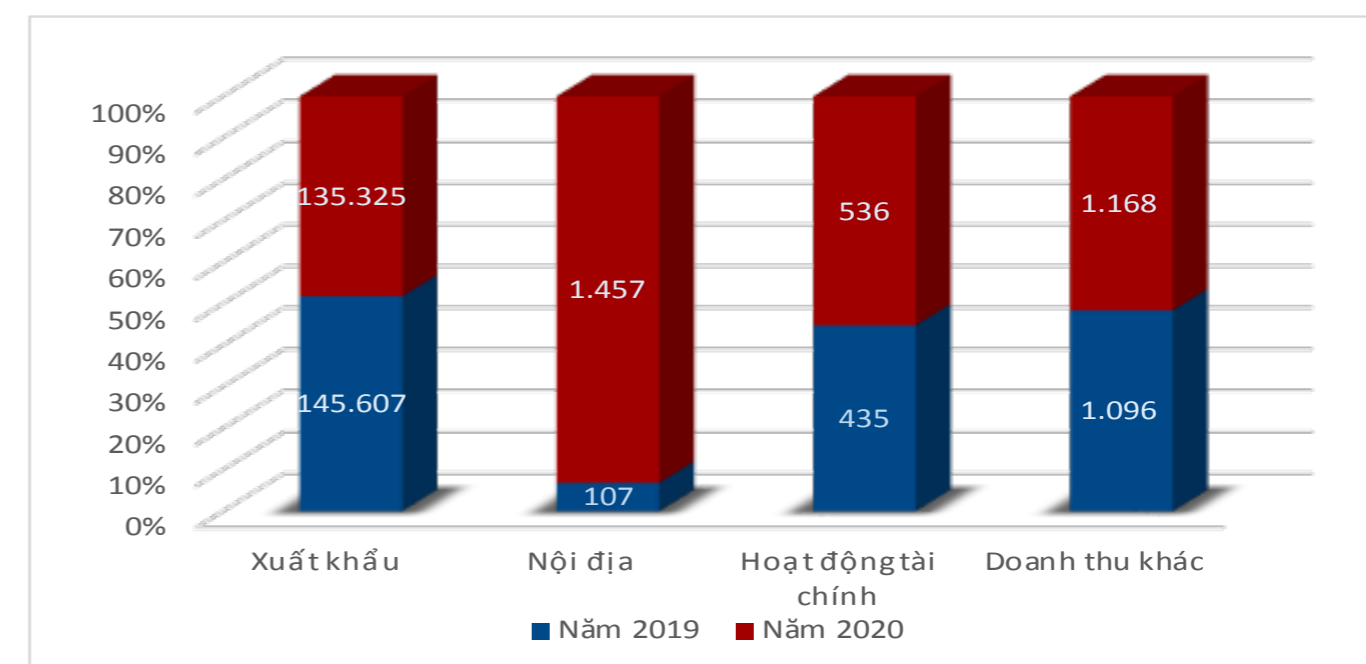
Cơ cấu doanh thu năm 2020

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xuất khẩu	145.607	98,89	135.325	97,72
Nội địa	107	0,07	1.457	1,05
Hoạt động tài chính	435	0,39	536	0,39
Doanh thu khác	1.096	0,74	1.168	0,84
Tổng Doanh thu	147.244	100	138.486	100

Đặc thù là hoạt động gia công thiết bị cơ khí theo đơn hàng và xuất khẩu ra nước ngoài. Hoạt động xuất khẩu trong năm của IMECO chỉ giảm nhẹ so với năm trước từ 145.607 triệu đồng năm 2019 xuống 135.325 triệu đồng năm 2020 chỉ giảm 7,06% cho thấy doanh nghiệp đã rất nỗ lực dùng các biện pháp hạn chế tổn thất hiệu quả nhằm đối phó với tình hình khó khăn trước mắt. Hoạt động này vẫn chiếm vị thế quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khi tỷ trọng hoạt động xuất khẩu chiếm gần như tối đa mọi hoạt động của doanh nghiệp và chiếm 97,72% tỷ trọng tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm.

Cơ cấu doanh thu năm 2020 so với năm 2019



ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	1/1/2020	31/12/2020
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	142.959	113.779
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	81.227	65.841
Chi phí nhân công	44.346	34.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603	2.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.316	8.385
Chi phí khác bằng tiền	3.468	2.673
Chi phí bán hàng	5.158	3.957
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu, công cụ	2.257	1.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.900	2.692
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.687	13.756
Chi phí cho nhân viên	7.719	10.175
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu, công cụ	33	189
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88	14
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.688	1.277
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.436	1.668
Chi phí bằng tiền khác	1.722	422

Trong năm qua, IMECO đã hạn chế tối đa mọi chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình bằng chứng là tốc độ sụt giảm trong doanh thu khoản 5,95% so với cùng kỳ năm 2019 cùng với việc áp dụng các biện pháp tối thiểu hóa chi phí thì doanh nghiệp đã hạn chế được 23,81% các khoản chi phí so với năm 2019. Kết quả là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh giảm đáng kể cụ thể chi phí nguyên vật liệu, vật liệu giảm từ 81.227 triệu đồng năm 2020 xuống 65.841 triệu đồng năm 2019 giảm 18,94% so với năm 2019 và mức giảm chi phí nguyên vật liệu lớn hơn nhiều so với khoản doanh thu của Công ty trong năm. Cùng với đó chi phí sản xuất, các chi phí quản lý doanh nghiệp và chi bán hàng cũng giảm với chi phí quản lý doanh nghiệp giảm chỉ còn 13.756 triệu đồng năm 2020 và chi phí bán hàng giảm còn 3.957 triệu đồng năm 2020. Điều này cho thấy một nỗ lực rất lớn của Công ty trong việc ổn định sản xuất, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Dự kiến trong đại hội cổ đông thường niên năm 2020, công ty lên kế hoạch tiếp tục các dự án đầu tư thực hiện cải tạo nhà xưởng sản xuất, mua một số máy móc thiết bị. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, thiếu việc làm vào quý 4/2020, dẫn đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp chỉ đạt 22% trên tổng 2,5 t đồng được đề ra trong đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	84.095	56.795	67,54
2	Doanh thu thuần	145.714	136.783	93,87
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(17.675)	582	-
4	Lợi nhuận khác	1.041	1.164	111,82
5	Lợi nhuận trước thuế	(16.633)	582	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(16.636)	582	-



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

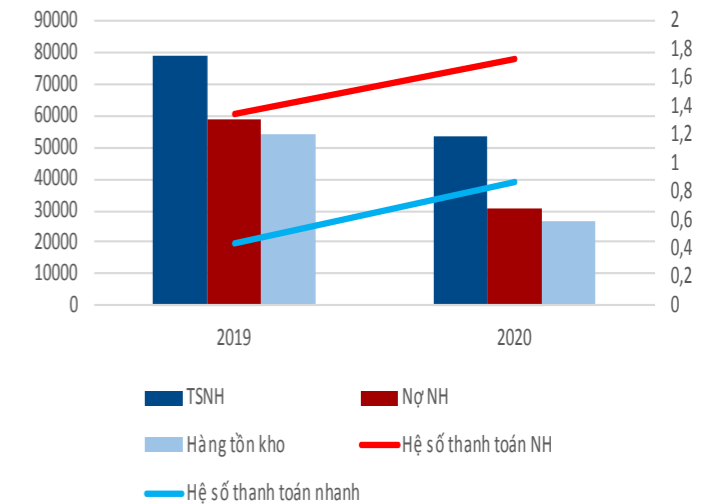
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,35	1,74
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,87
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,66	54,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	229,56	117,61
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,11	2,96
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,54	1,94
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-11,42	0,43
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-48,4	2,26
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-19,78	0,83
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-12,13	-

Đối mặt với những khó khăn do đại dịch Covid 19 gây ra, tình hình hoạt động và các chỉ tiêu tài chính có sự thay đổi như sau:

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số về khả năng thanh toán của Công ty trong năm vừa qua được cải thiện rõ rệt, cả hai chỉ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều tăng. Nguyên nhân là do việc hoàn tất hầu hết các dự án cho Công ty Siemens và Aarding Thermal Acoustics giúp cho nợ ngắn hạn của doanh nghiệp giảm từ 45.417 triệu đồng xuống 18.914 triệu đồng (tương đương giảm 58,35%). Kéo theo đó lượng hàng tồn kho giảm mạnh từ 54.205 triệu đồng năm 2019 xuống còn 26.755 triệu đồng năm 2020 giảm 50,64% so với năm 2019 giúp cơ cấu lại tài sản ngắn hạn cũng như tài sản dài hạn của doanh nghiệp

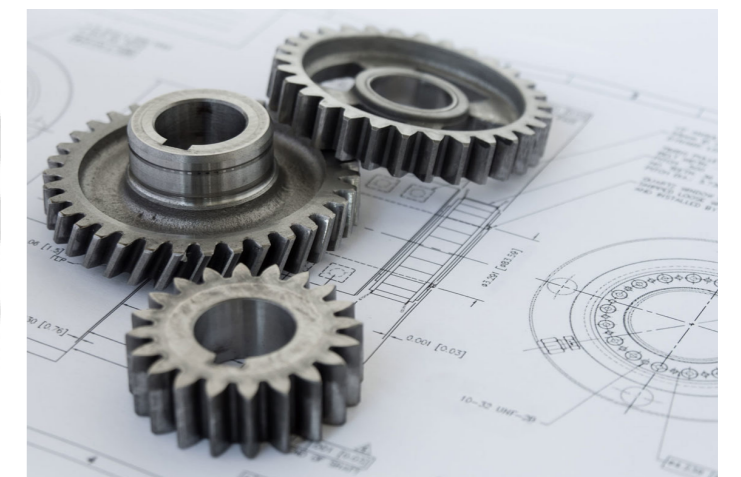
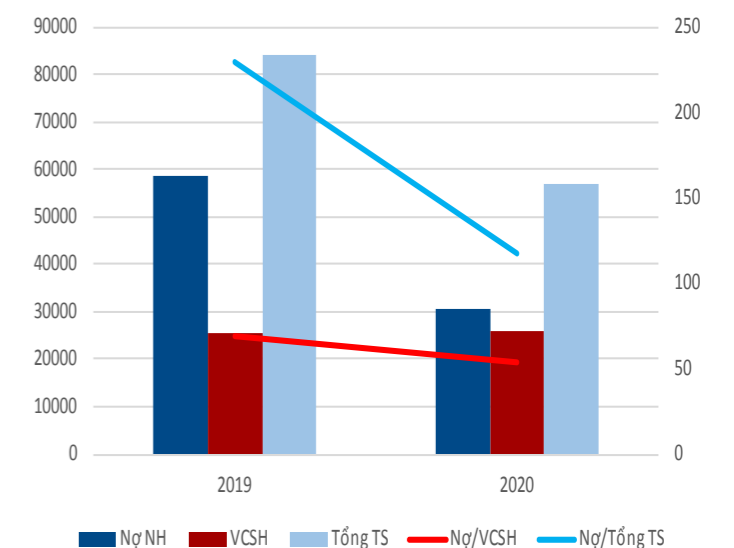
Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong khả năng thanh toán của doanh nghiệp



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty không vay nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động của mình. Trong năm Công ty đã sử dụng rất tốt các giải pháp tài chính khi đã không vay ngắn hạn mà sử dụng các khoản phải trả người bán. Đây được xem là chính sách rất tốt đối với tình hình vốn khó khăn như hiện nay.

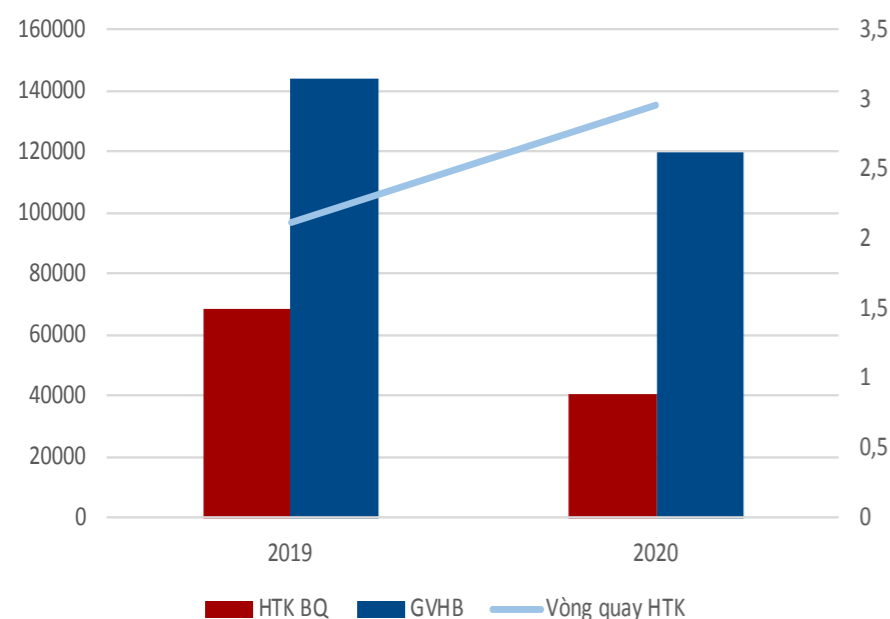
Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong cơ cấu vốn của doanh nghiệp



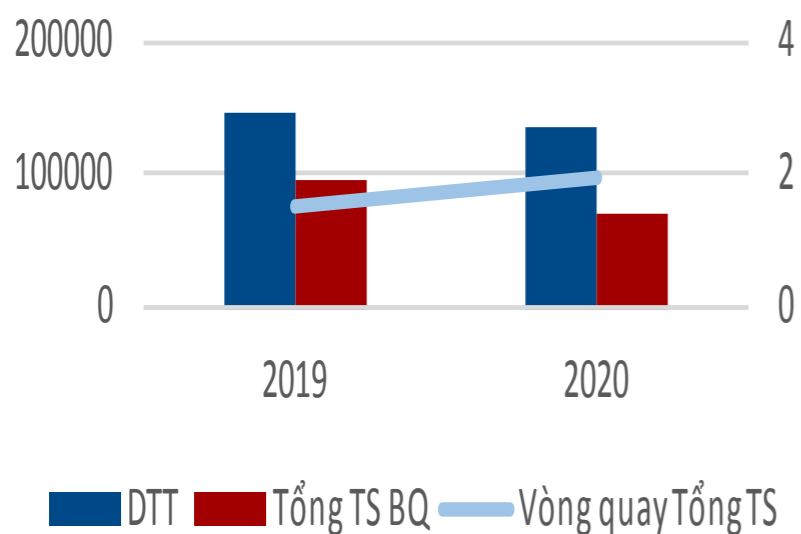
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Với các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn được cải thiện đáng kể nên việc cải thiện vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản là kết quả tất yếu. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,11 lên 2,96 vòng và vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,54 vòng lên 1,94 vòng.

Các nhân tố ảnh hưởng đến vòng quay hàng tồn kho



Các nhân tố ảnh hưởng đến vòng quay tổng tài sản

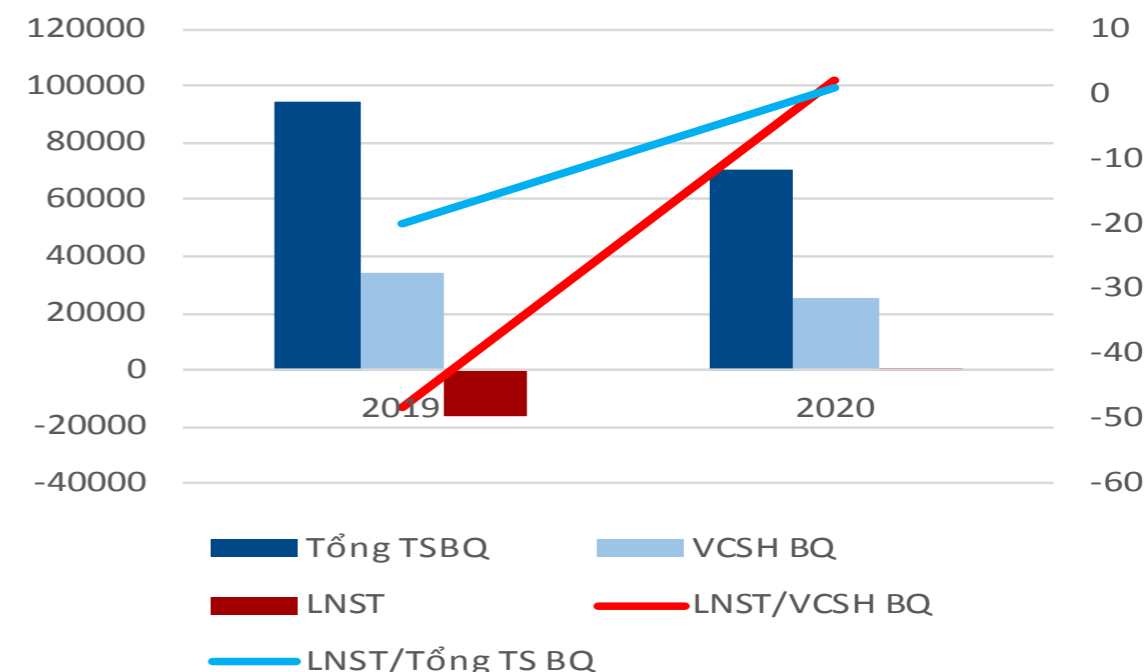


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

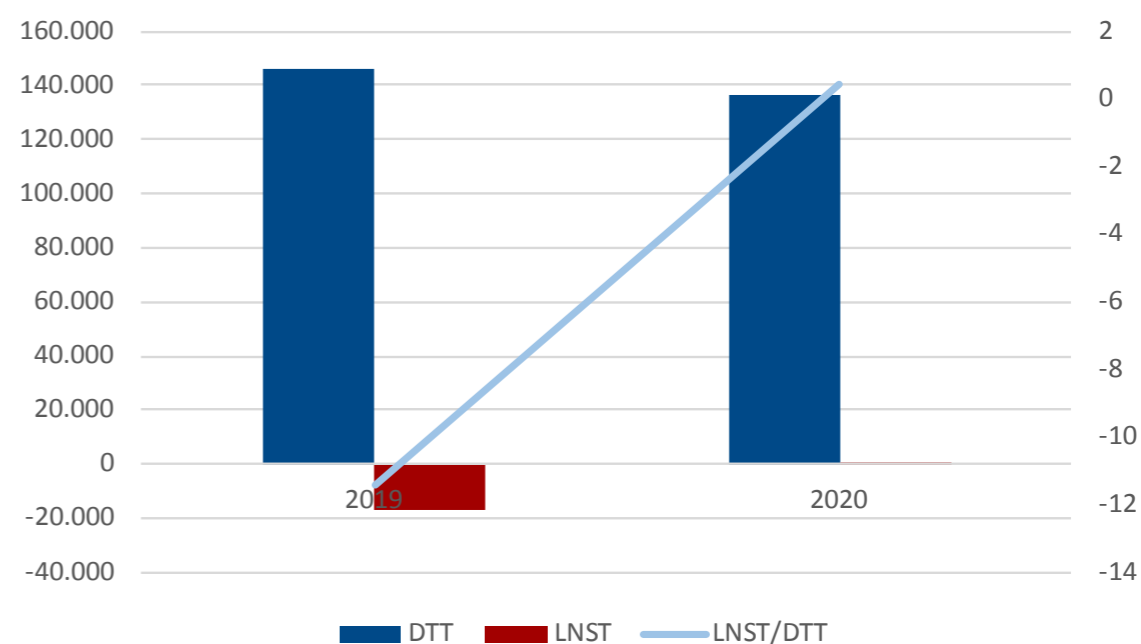
Công ty đã làm tốt nhiệm vụ của mình trong hoạt động sản xuất, đưa doanh nghiệp vượt qua những khó khăn mà năm 2019 đang gặp phải. Đồng loạt các hệ số thể hiện khả năng sinh lời của doanh nghiệp đều tăng mạnh từ con số âm sang con số dương cụ thể là hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần tăng từ -11,42% lên 0,43%, hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 48,40% lên 2,26% và hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân tăng từ -19,78% lên 0,83% so với năm 2019.

Nhìn chung Công ty có phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong năm vừa qua, đưa Công ty thoát khỏi một phần khó khăn về tài chính cũng như những áp lực bên ngoài do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong khả năng sinh lời của doanh nghiệp



Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong khả năng sinh lời của doanh nghiệp



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Hội Đồng Quản Trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
3	Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
4	Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
5	Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên

Sơ yếu lý lịch thành viên Hội Đồng Quản Trị

ÔNG ĐOÀN MINH TOÀN - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh 1982
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế - Kiểm toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác
2006 - 2009 Phó Giám đốc Tài chính – CTCP Tập đoàn Đức Bình
2009 - 2010 Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cái Mép
2010 - 2013 Phó Giám đốc Tài chính – CTCP Tập Đoàn Đức Bình
2013 - nay Phó Giám đốc Tài chính – Công ty TNHH SX TM-DV Yên Khánh
06/2016 - nay Chủ tịch HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp kiêm Giám đốc CTCP An Hiền
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc CTCP An Hiền

ÔNG NGUYỄN THANH LIÊM - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM GIÁM ĐỐC Công ty CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Năm sinh 1971
Trình độ chuyên môn Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác
1996 - 2000 Kế toán trưởng – DNTN Xây lắp Điện Quyết Thắng
2000 - 2006 Kế toán trưởng – Công ty TNHH Tân Hải Minh
2007 - 2010 Kế toán trưởng – Công ty TNHH SX.TM Phúc An
2010 - 2012 Kế toán trưởng – CTCP Việt Nam Chi Tín
2012 - 2013 Phó phòng Tài chính CTCP – Tập đoàn Cà phê Trung Nguyên
01/2017 - 03/2017 Trợ lý Tổng Giám Đốc – CTCP An Hiền
04/2017 - nay Thành viên HĐQT – CTCP Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2018 – nay Tổng Giám Đốc – CTCP Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp

ÔNG NGUYỄN THÀNH TRUNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh 1967
Trình độ chuyên môn Kỹ sư cơ khí chế tạo
Quá trình công tác
08/1990 - 04/1993 Cán bộ Nghiên cứu khoa học phụ trách phần thiết kế - Trung tâm Công nghiệp Khoa học thuộc Viện Khoa học Việt Nam tại TPHCM
05/1993-08/1996 Kỹ sư – Xưởng cơ khí Công ty Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp
09/1996-12/2005 Phó Giám đốc – Công ty Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
01/2006-02/2007 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Cơ khí và Xây Lắp Công nghiệp
2008-02/2018 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
02/2018 Nay Thành viên HĐQT CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
Tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 5,12%

BÀ NGUYỄN THỊ LOAN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PGD Công ty CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Bà Loan từng nắm giữ chức vụ Trưởng văn phòng Giám đốc, Trợ lý tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành Hành chính – Nhân sự CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
06/2016 – nay	Thành viên HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công Nghiệp
08/2019 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

ÔNG NGUYỄN NGỌC HẠNH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính
Quá trình công tác	
2005 - 2007	Trưởng phòng Hành chính Nhân sự - Xí nghiệp Dịch vụ Kỹ thuật Tổng Công ty Bia rượu – NGK Sài Gòn
2008 - 2011	Phó Trưởng phòng Hành chính Nhân sự - Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
2011 - 2013	Trưởng ban Điều độ Sản xuất – Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
12/2013 - 03/2016	Giám đốc Điều hành Sản xuất – Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
04/2016 – 09/2020	Tổng Giám đốc – Công ty TNHH MTV Cơ khí SABECO
10/2020 – 11/2020	Thành viên HĐQT – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Liêm	Tổng Giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Loan	Phó tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Điều Hành

BÀ NGUYỄN THỊ LONG CHÂU - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	Bà Châu đã từng nắm giữ chức vụ Kế toán nhà máy Cơ điện Tân Bình, Kế toán trưởng nhà máy Cơ khí Thực Phẩm (nay là Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp)
02/2012 - 11/2016	Giám đốc điều hành tài chính kiêm Kế toán trưởng – CTCP Cơ khí và xây lắp Công nghiệp
11/2016 - nay	Kế toán trưởng – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Thông tin của Ông Nguyễn Thanh Liêm và Bà Nguyễn Thị Loan xem lại ở phần Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

Danh sách Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS
2	Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên BKS
3	Ông Đinh Văn Hanh	Thành viên BKS

ÔNG NGUYỄN VĂN SƠN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh	1976
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán Doanh nghiệp
Quá trình công tác	
04/2012 - 12/2017	Kế toán trưởng – CTCP Sản xuất Bao bì & Hàng xuất khẩu, chi nhánh TP.HCM
01/2018 - 04/2010	Kế toán trưởng – CTCP Truyền thông Sao Thế Giới
04/2010 - 06/2011	Kế toán trưởng – CTCP Đất xanh Miền Bắc
09/2011 - nay	Kế toán trưởng – CTCP Cơ khí SABECO
06/2015 – nay	Trưởng ban Kiểm soát – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

BÀ VŨ THANH PHƯƠNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh 1982
Trình độ chuyên môn Quản trị kinh doanh – Kinh tế đối ngoại
Quá trình công tác
2002 - 2006 Nhân viên – Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam
2006 - 2008 Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Phương Đông
2008 - nay Phó Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Đức Bình
06/2016 – nay Thành viên BKS

ÔNG ĐẶNG VĂN HẠNH - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh 1978
Trình độ chuyên môn Kỹ sư Cơ khí - Hàn
Quá trình công tác
2003 - 2008 Nhân viên Kiểm tra chất lượng sản phẩm phòng Kỹ thuật – CTCP Cơ Khí và Xây lắp Công nghiệp
2008 - 2009 Phó phòng Quản lý chất lượng – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
06/2016 – nay Trưởng phòng quản lý chất lượng – Thành viên Ban kiểm soát – CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp
3/2019 – nay Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp – Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc nhà máy chế tạo Thiết bị đồng bộ
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0,014%

Thay đổi thành viên HĐQT, BDH, BKS trong năm 2020

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 1/11/2020)

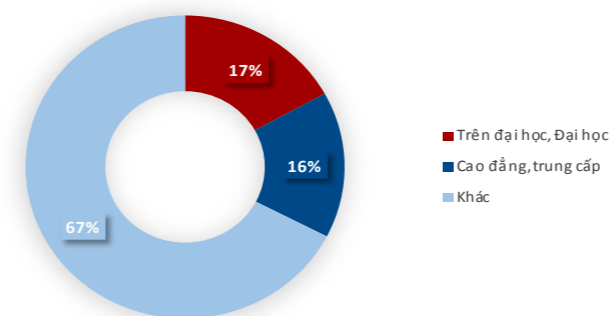


Tình hình nhân sự

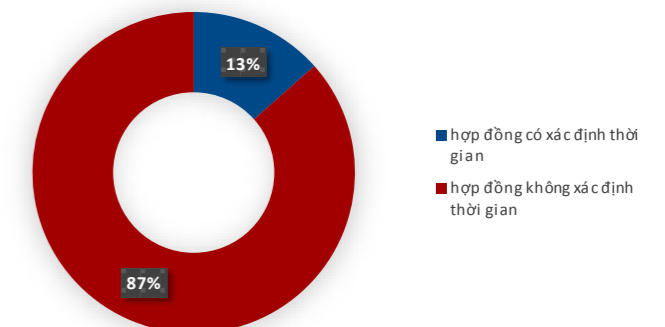
Tính đến hết ngày 31/12/2020 IMECO có tổng số 223 người lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	223	100
1	Trên đại học, Đại học	38	16,96
2	Cao đẳng, trung cấp	35	15,63
3	Khác	150	67,41
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	223	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	30	13,39
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	193	86,61
C	Trình độ lao động	168	100
1	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	40	23,81
2	Trình độ bậc thợ	128	76,19

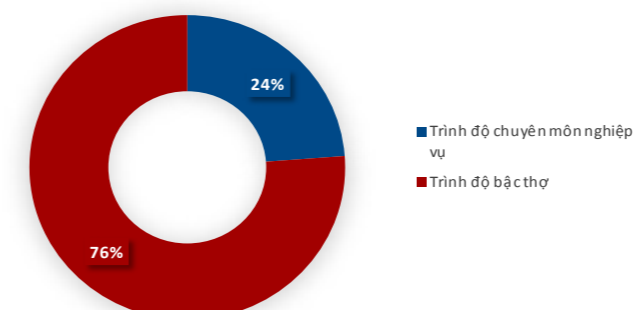
Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo tính chất hợp đồng



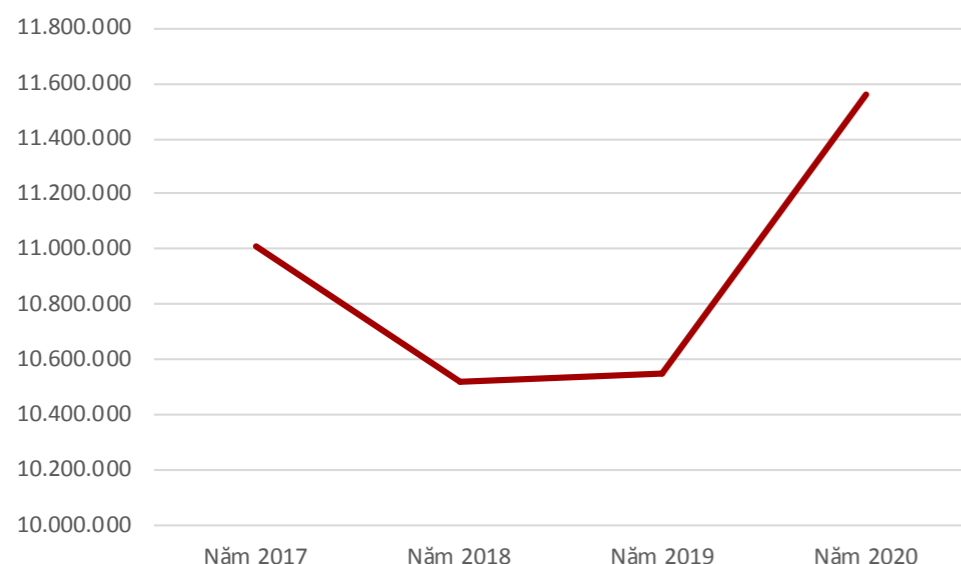
Cơ cấu nhân sự theo trình độ lao động



Thu nhập bình quân của người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân	11.011.425	10.520.000	10.550.000	11.560.000

Thay đổi thu nhập bình quân của người lao động trong 4 năm gần nhất



Chính sách đối với người lao động

Về đào tạo:

Con người là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp vì vậy Công ty đặc biệt chú trọng đến vấn đề đào tạo và tạo cơ hội cho CBCNV được phát triển hết khả năng của bản thân, góp phần xây dựng phát triển bền vững cho tổ chức. Đây được xem là nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của người lao động, hoạt động đào tạo không chỉ tập trung vào trình độ chuyên môn mà còn cả kỹ năng mềm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả cũng như kỹ năng ứng phó các tình huống khẩn cấp.

Bắt buộc tất cả CBCNV tham gia các khóa đào tạo mà IMECO tổ chức để kịp thời cập nhật kiến thức cho người lao động cùng nhau xây dựng sự phát triển bền vững cho tổ chức ở hiện tại và trong tương lai.

Môi trường công việc

IMECO cam kết tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, uy tín và chất lượng. Công ty luôn ưu tiên chú trọng đến việc xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi tốt và thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng trong công việc.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng theo quy định của pháp luật, tuân thủ Nghị định 90/2019/NĐ-CP của Thủ tướng Chính Phủ về áp dụng mức lương tối thiểu. Đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về chính sách lương, thưởng đối với người lao động. Lương của người lao động được xác định phù hợp đối với kết quả đạt được, trình độ tay nghề và tinh thần trách nhiệm nhằm đảm bảo sự công bằng cho mọi người. Công ty cũng có chính sách khen thưởng đặc biệt đối với những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao cũng như góp phần vào việc xây dựng tổ chức vững mạnh, bền vững.

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.599.948 cổ phiếu

- **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 3.599.948 cổ phiếu

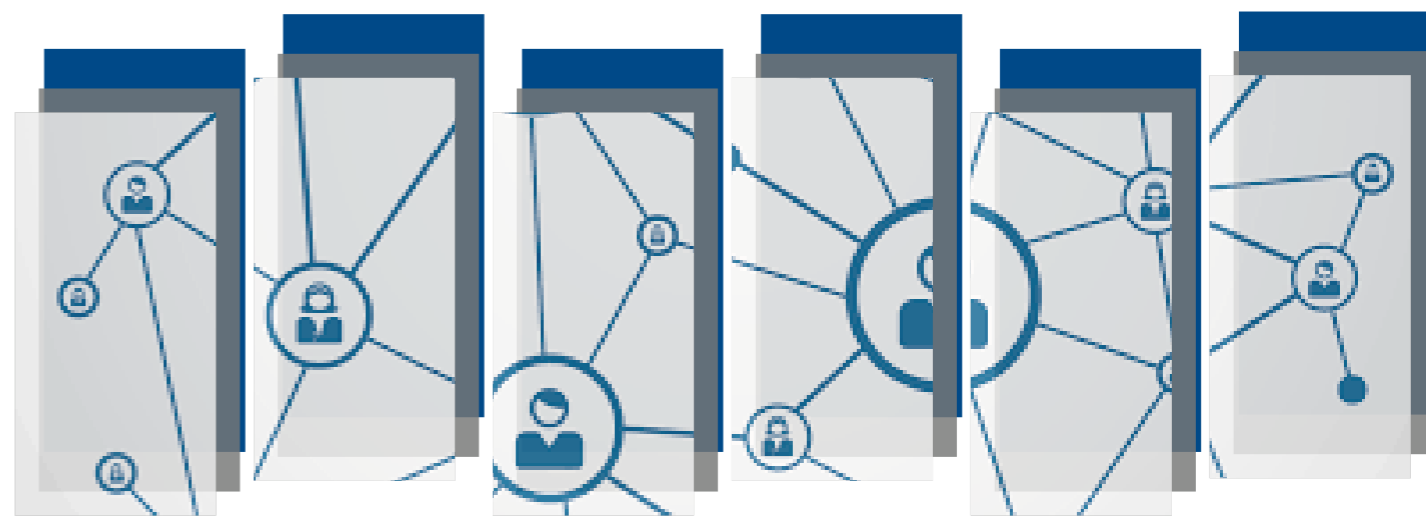
- **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	0%
II	Cổ đông trong nước	126	3.598.348	99,96%
1	Cá nhân	120	2.004.111	44,29%
2	Tổ chức	6	1.594.237	55,67%
III	Cổ đông nước ngoài	2	1.600	0,04%
1	Cá nhân	0	-	-
2	Tổ chức	2	1.600	0,04%
Tổng cộng		128	3.599.948	100%



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

IMECO hoạt động trong ngành Cơ khí, nguyên vật liệu sử dụng chủ yếu để tạo ra sản phẩm thường là các kim loại như sắt, thép, Inox, que hàn, thuốc hàn, sơn công nghiệp và những nhiên liệu phụ khác như dầu, nhớt.... Đây được xem là những loại nguyên vật liệu có giá thành khá cao, nên việc quản lý nguồn nguyên vật liệu trong quá trình sử dụng sản phẩm cần được quản lý một cách chặt chẽ để hạn chế chi phí và tiết kiệm được nguồn nguyên vật liệu này. Ngoài ra, rác thải công nghiệp cơ khí cũng gây ảnh hưởng nặng nề đến môi trường cộng đồng nếu không có biện pháp xử lý phù hợp. Để quản lý nguồn nguyên vật liệu một cách hiệu quả, IMECO luôn thực hiện các chính sách thắt chặt nguồn nguyên vật liệu, chỉ sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách có kế hoạch đúng việc đúng mục đích, không lãng phí nguyên vật liệu và quản lý rác thải công nghiệp chặt chẽ. Đối với nguyên vật liệu đầu vào, Công ty luôn tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu chất lượng với giá thành hợp lý. Cũng như rác thải công nghiệp dễ gây hại cho môi trường sống của cộng đồng, Công ty đã ký hợp đồng với các bên chuyên thu mua rác thải công nghiệp để tránh gây ảnh hưởng đến môi trường và tạo thêm được nguồn thu ổn định cho doanh nghiệp.

Tiêu thụ năng lượng và nước

Hoạt động sản xuất các sản phẩm trong ngành Cơ Khí thông thường phải sử dụng máy móc thiết bị có công suất vận tải lớn như máy hàn, máy chấn tôn, buồng phun xi măng để hoạt động chúng cần tiêu thụ điện năng vô cùng lớn kéo dài trong suốt quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Mặc dù không cần tiêu thụ lượng nước quá lớn như nguồn điện tuy nhiên nước vẫn là nguồn nguyên vật liệu không thể thiếu trong một số khâu sản xuất như làm nguội, tẩy rửa. Để sử dụng nguồn năng lượng một cách tối ưu, IMECO đã có những chính sách sử dụng tiết kiệm điện năng cũng như tài nguyên nước trong quá trình sản xuất nhằm hạn chế chất thải (khí) ra môi trường và giảm chi phí cho doanh nghiệp. Cùng với việc tuyên truyền nhắc nhở CBCNV sử dụng tiết kiệm điện nước trong tổ chức cũng như bên ngoài doanh nghiệp.

Chính sách liên quan đến người lao động

Con người là nhân tố quan trọng góp phần xây dựng và quyết định sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp luôn quan tâm đến chính sách đãi ngộ đối với CBCNV như: tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, tổ chức tham quan du lịch trong nước cũng như nước ngoài, mở các buổi đào tạo để nâng cao kỹ năng cũng như trình độ cho CBCNV, cung cấp chế độ lương thưởng, bảo hiểm, trợ cấp phù hợp. Vì đây là ngành nghề đặc thù, người lao động thường phải tiếp xúc nhiều với máy móc thiết bị có công suất lớn và những chất thải độc hại từ quá trình hàn cắt kim loại. Nhận thức được sự nguy hại này, Công ty luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các trang bị bảo hộ an toàn lao động bằng cách kiểm tra định kỳ công tác thực hiện bảo hộ lao động tại các phân xưởng, nhà máy, công trình để kịp thời trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ và có biện pháp xử lý kịp thời tai nạn lao động trong trường hợp cấp thiết.



Trách nhiệm đối với cộng đồng

Con người là cốt lõi hoạt động của doanh nghiệp, bởi vậy IMECO luôn tích cực tham gia giúp đỡ cộng đồng và xã hội bằng việc thực hiện các hoạt động từ thiện, trích quỹ ủng hộ những gia đình gặp khó khăn trong tổ chức cũng như trong khu vực.





PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động
sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong
tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến
trách nhiệm môi trường và xã hội
của Công ty

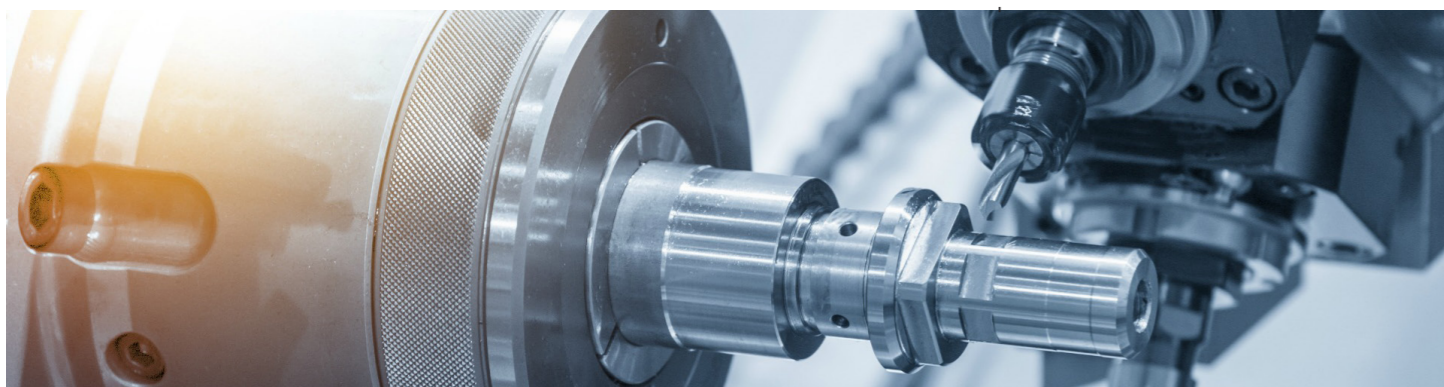
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Dự kiến trong đại hội cổ đông thường niên năm 2020, Công ty lên kế hoạch tiếp tục các dự án đầu tư thực hiện cải tạo nhà xưởng sản xuất, mua một số máy móc thiết bị. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, thiếu việc làm vào quý 4/2020, dẫn đến hoạt động đầu tư của doanh nghiệp chỉ đạt 22% trên tổng 2.500 triệu đồng được đề ra trong đại hội cổ đông thường niên năm 2020.



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- Tổng doanh thu thuần đạt được : 136.783 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế : 582 triệu đồng

Tình hình tài chính

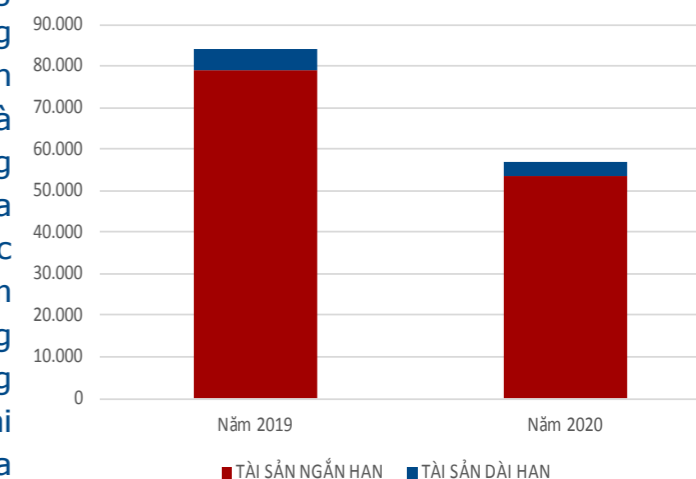
Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2020/ 2019 (%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	79.216	53.554	67,61
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.503	2.969	84,76
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	220	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	16.316	21.167	130,73
Hàng tồn kho	54.205	26.755	49,35
Tài sản ngắn hạn khác	4.972	2.443	49,14
TÀI SẢN DÀI HẠN	4.879	3.241	66,43
Tài sản cố định	4.516	2.738	60,63
Tài sản dài hạn khác	363	503	139,56
Tổng tài sản	84.095	56.795	67,54

Tính đến ngày 31/12/2020 quy mô tài sản của doanh nghiệp giảm 32,46% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do lượng hàng tồn kho giảm hơn một nửa với việc hoàn tất 2 đơn hàng đối với Công ty Siemens và Aarding Thermal Acoustics. Ngoài ra, trong năm Công ty tiến hành bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định khiến cho tài sản dài hạn khác của doanh nghiệp tăng từ 363 triệu đồng năm 2019 lên 503 triệu đồng năm 2020 tương đương tăng 38,57%, tuy nhiên hoạt động đầu tư này chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng tài sản của doanh nghiệp nên quy mô tài sản của doanh nghiệp vẫn giảm so với cùng kỳ năm 2019.

Quy mô và cơ cấu tài sản



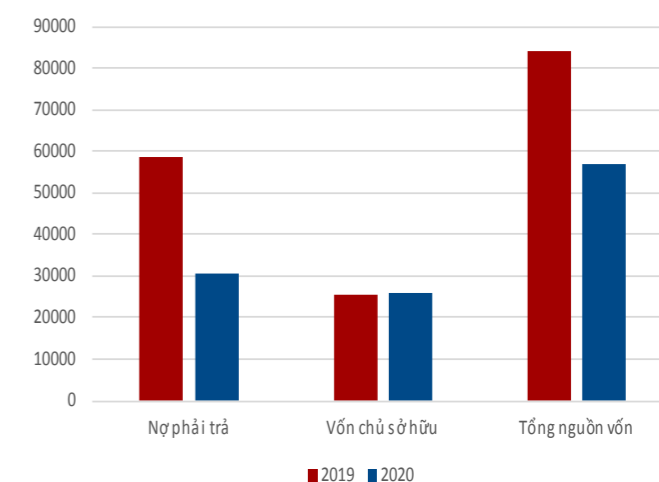
Tình hình nguồn vốn

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2020/ 2019(%)
Nợ ngắn hạn	58.577	30.696	52,4
Vốn chủ sở hữu	25.517	26.100	1,02
Phải trả người bán ngắn hạn	4.670	5.076	1,09
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	45.417	18.914	41,65
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	62	35	56,45
Phải trả người lao động	5.733	2.667	46,52
Phải trả ngắn hạn khác	935	758	81,07
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	2.131	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1760	1.113	63,24
Nợ dài hạn	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
Vốn góp của chủ sở hữu	35.999	35.999	0
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
Quỹ đầu tư và phát triển	6.154	6.154	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-16.636	-16.636	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-	-16.636	-
LNST chưa phân phối kỳ này	-16.636	582	-
Tổng nguồn vốn	84.095	56.795	67,54

Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty có sự thay đổi lớn, nguồn vốn của Công ty có sự chuyển biến rõ nét tập trung chủ yếu ở Nợ phải trả giảm từ 58.577 xuống còn 30.969. Đó là kết quả của việc DN đã tất toán 2 đơn hàng lớn trong năm (Siemens, Aarding Thermal Acoustics) giúp cho khoản mục người mua trả tiền trước ngắn hạn giảm mạnh 41,65%.

Cơ cấu nguồn vốn



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021, dự báo nền kinh tế Việt Nam cũng như thế giới, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là ảnh hưởng từ dịch Covid-19 còn tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro và khả năng còn kéo dài cả năm 2021.

Thách thức với IMECO cũng rất lớn, năm 2020 các đơn hàng ký kết giảm nhiều so với năm trước nên nguồn gốc đầu mang sang năm 2021 cũng giảm theo. Trong khi thị trường tiêu thụ hiện nay của đơn vị chủ yếu xuất khẩu sang các nước Châu Âu, là các nước đang đối mặt với đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp nên việc xây dựng kế hoạch SXKD rất khó khăn, nan giải. Tuy nhiên Công ty vẫn hy vọng năm 2021 tình hình dịch bệnh được kiểm soát nên xây dựng một số chỉ tiêu kinh tế để có cơ sở phân đấu thực hiện.

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2019	TH 2020	KH 2021	So sánh %	
						KH 2021 so với 2020	TH 2020 so với 2019
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	147.244	138.486	141.752	102,36	94,05
	Trong đó: DTXK	Tr.đ	145.607	135.325	138.205	102,13	92,94
2	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	6,283	5,846	5,970	102,13	93,03
3	Kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD	0,105	0,134	0,35	261,41	127,51
4	Tổng chi phí	Tr.đ	163.878	137.904	134.752	97,70	84,15
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	(16.633)	582	7.000	1.202,75	(3,50)
6	Số phải nộp ngân sách	Tr.đ	3.190	1.515	1.523	100,53	47,49
7	Lao động bình quân	người	272	236	220	93,22	86,76
8	Thu nhập bình quân (người/tháng)	1.000 đ	10.550	11.560	12.77	110,43	109,57
9	Đầu tư	Tr.đ	76,2	550	3.500	636,36	721,78
10	Cổ tức	%	0	0	0	0	0

* Do tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ (-16.636) nên lợi nhuận thực hiện phải bù lỗ năm trước, khi có dư mới chia cổ tức. Tỷ lệ chính thức phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh và trình đại hội cổ đông phê duyệt

Kế hoạch đầu tư 2021

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Máy hàn TIG, máy hàn MIG	0,4
2	Máy cắt Laser	2
3	Một số MMTB khác	0,6
4	Cải tạo nhà xưởng	0,5
Tổng cộng : Ba tỷ năm trăm triệu đồng		3,5

Biện pháp triển khai thực hiện

Về lĩnh vực sản xuất

- Tối ưu hóa vận hành các công đoạn nhằm nâng cao năng suất thiết bị, tiết giảm các chi phí tiêu hao điện năng, nhiệt năng.
- Lập phương án và rà soát lại toàn bộ định mức công, phù hợp với công nghệ và tay nghề người lao động, nhằm phát huy hết khả năng của người lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức quản lý sản xuất hiệu quả tránh lãng phí, giảm tiêu hao vật tư, sử dụng lao động hợp lý để giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm.
- Lập phương án và thực hiện công tác sửa chữa định kỳ máy móc thiết bị nhằm phục vụ sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, thiết kế tính toán tận dụng tối đa nguyên vật liệu để mang lại hiệu quả cao.
- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình mới triển khai đảm bảo chất lượng, uy tín và hiệu quả trong sản xuất.

Về kinh doanh – thị trường

- Tiếp tục tập trung khai thác thị trường xuất khẩu, xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng truyền thống coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong năm tới, đảm bảo sản xuất ổn định, có việc làm thường xuyên cho người lao động.
- Nắm bắt thông tin thị trường kịp thời và chính xác. Tích cực tham gia chào giá các dự án trong và ngoài nước nhằm có đủ công việc bảo đảm cho kế hoạch SXKD đề ra.
- Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu, phân tích thị trường thế giới và trong nước để điều hành sản xuất kinh doanh theo sát sự biến động của thị trường nhằm hạn chế khối lượng tồn kho làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Đào tạo, tuyển dụng để bổ sung đội ngũ nhân sự kỹ thuật kinh doanh có đủ tâm, đủ tầm, có kỹ năng và nghiệp vụ giỏi trong lĩnh vực trên, am hiểu quy trình công nghệ sản xuất, linh hoạt, có khả năng xử lý công việc và đàm phán với khách hàng để từng bước chiếm lĩnh và mở rộng thị trường kể cả nội địa và xuất khẩu.

Về lĩnh vực kỹ thuật chất lượng sản phẩm

- Công tác kỹ thuật cần củng cố và tăng cường về nhân sự, đảm bảo triển khai bản vẽ, thiết kế kịp thời cho sản xuất khi có nhiều đơn hàng.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, giảm thiểu tối đa các sản phẩm hư hại, lãng phí... Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm đầu vào và đầu ra.
- Hệ thống chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-2015 luôn được duy trì và cập nhật mới cho phù hợp. Luôn tổ chức thực hiện tốt hệ thống quản lý hàn theo tiêu chuẩn Châu Âu EN 3834-2.
- Đào tạo, xây dựng hệ thống kiểm soát sản xuất theo tiêu chuẩn Canada W 47 để đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.



Về lĩnh vực nhân sự - tiền lương

- Năm 2021, để Công ty tồn tại và phát triển trong lĩnh vực cơ khí và kinh doanh có hiệu quả cao, ban lãnh đạo Công ty cần chú trọng đến việc bổ sung thêm lãnh đạo chủ chốt chuyên về lĩnh vực cơ khí, có đủ năng lực, trình độ kỹ thuật, nhanh nhạy trong công tác quản lý, nắm bắt thị trường, có định hướng ngắn hạn và dài hạn để Công ty phát triển ...
- Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự phát triển của Công ty nên ưu tiên chăm lo đến đời sống, vật chất cho người lao động, duy trì thu nhập tối thiểu ở mức trung bình so với mặt bằng chung với các đơn vị cùng ngành và thực hiện tốt các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật trên cơ sở hài hòa lợi ích của các cổ đông với người lao động.
- Tạo điều kiện để CBCNV tham gia học tập các lớp nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng chuyên môn nhằm nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả cho sản xuất kinh doanh.
- Tổng quỹ lương dự kiến thực hiện trong năm 2021 là 33 tỷ đồng đạt 102,16% so với năm trước. Lao động bình quân là 220 người, thu nhập bình quân của người lao động thực hiện trong năm là 12,77 triệu đồng/người/tháng (kể cả tháng lương 13, Tết, lễ...). Trong đó, thu nhập từ tiền lương bình quân là 12,50 triệu đồng/người/tháng

Về lĩnh vực tài chính

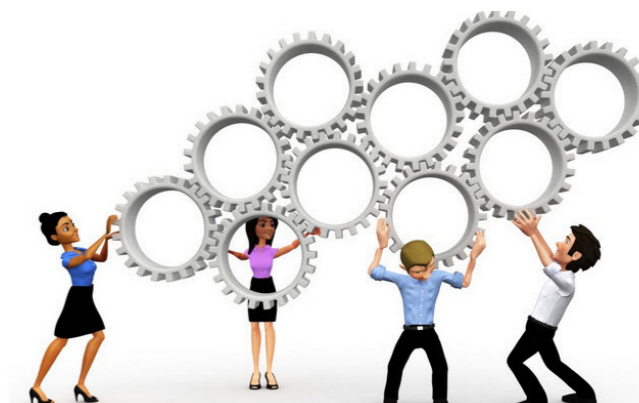
- Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra, hạch toán, quyết toán theo quy định của pháp luật.
- Xây dựng kế hoạch tài chính năm, lập kế hoạch chi tiết cho từng tháng, quý để luôn chủ động dòng tiền kịp thời cho sản xuất kinh doanh. Chủ động, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn để giảm đến mức thấp nhất chi phí lãi vay.
- Đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ việc thu hồi các khoản công nợ đảm bảo dòng tiền thu hồi theo kế hoạch đề ra.
- Tập trung huy động mọi nguồn lực, kết hợp đẩy mạnh khâu thanh, quyết toán các công trình đã hoàn thành bàn giao để thu hồi vốn hoàn trả các khoản vay và đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Lập các báo cáo về lĩnh vực tài chính đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

Về lĩnh vực đầu tư

- Năm 2021 Công ty dự kiến trang bị một số máy móc thiết bị với tổng vốn đầu tư là 3,5 tỷ đồng. Chủ yếu trang bị một số máy công cụ có giá trị nhỏ như: Máy hàn TIG, máy hàn MIG và một số máy phục vụ thiết yếu cho sản xuất.
- Theo yêu cầu của khách hàng cũng như về mặt nâng cao chất lượng sản phẩm, trong danh mục đầu tư, Công ty dự kiến trang bị 01 máy cắt Laser có giá trị khoảng 2 tỷ đồng là rất cấp thiết vì hiện tại và các năm trước Công ty phải thuê bên ngoài cắt nguyên vật liệu. Việc đầu tư máy này sẽ giải quyết được công ăn việc làm cho một số lao động cũng như giảm được chi phí thuê ngoài gia công...
- Do Công ty đang ở giai đoạn công việc không ổn định, rất khó khăn cho việc đầu tư với giá trị lớn. Xác định được khó khăn này, Công ty phải cố gắng tìm mọi biện pháp ổn định sản xuất kinh doanh đạt được theo các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cũng như việc đầu tư phù hợp theo khả năng của đơn vị nhằm đáp ứng kịp thời cho sản xuất để kinh doanh đạt hiệu quả.

Về công tác khác

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của CBCNV về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, tập huấn và thực hiện công tác phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng theo đúng quy định của pháp luật.
- Luôn chú trọng đến công tác an toàn lao động và cải thiện môi trường làm việc cho người lao động.
- Luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường và thực hiện nghiêm túc theo quy định của các cơ quan chức năng và địa phương
- Duy trì và thực hiện tốt các công tác phong trào, đoàn thể, cộng đồng, an sinh xã hội.





CHƯƠNG IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020

Công tác sản xuất

Đối mặt với tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm này, giao thương đình trệ các đơn hàng bị hoãn xuất khẩu vô thời hạn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Có nhiều đơn hàng đã sản xuất tuy nhiên không thể xuất bán ảnh hưởng đến vòng quay vốn và lượng dự trữ hàng tồn kho của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đạt nhiều thuận lợi hơn so với năm 2019 mặc dù doanh thu thuần năm 2020 chỉ đạt 136.783 triệu đồng giảm 6,13% so với năm ngoái trong đó doanh thu thuần bán thành phẩm đạt 136.783 triệu đồng và doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 213 triệu đồng. Tuy nhiên doanh nghiệp có công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào và khâu sản xuất hiệu quả hơn, tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với trong kì năm ngoái. Cụ thể, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng từ 1.991 triệu đồng năm 2019 lên 16.800 triệu đồng năm 2020 tăng gấp 700 lần so với năm 2019. Đây được xem là bước ngoặt lớn trong hoạt động kinh doanh của IMECO khi tình hình dịch bệnh

Công tác kỹ thuật – chất lượng sản phẩm

Công ty chủ trương giám sát chặt chẽ từ khâu đầu vào, chế tác đến chất lượng thành phẩm phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Đồng thời duy trì và nâng cấp hệ thống chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn của Châu Âu, thực hiện áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại vào công tác sản xuất và nghiên cứu phương pháp thực hiện tối ưu.



Công tác tài chính

Thực hiện các biện pháp giảm chi phí lưu động phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Đảm bảo tiến độ báo cáo quyết toán tài chính đúng tiến độ và báo cáo kiểm toán tài chính khác đúng theo quy định của pháp luật cũng như tiến hành công tác kiểm toán tài chính đúng tiến độ và phù hợp theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên đã đề ra.

Công tác kinh doanh, thị trường

Chủ động tìm thị trường mới, tích cực dự thầu tìm kiếm khách hàng mới để duy trì nguồn tiêu thụ; Thực hiện chính sách ưu đãi đối với khách hàng truyền thống để cạnh tranh với cái đối thủ khác; Đơn hàng là yếu tố quan trọng để duy trì hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời tạo công ăn việc làm cho công nhân vì vậy doanh nghiệp luôn có các chiến lược tìm kiếm đơn hàng mới;

Thực hiện công tác quản lý tốt các nguồn cung ứng nguyên vật liệu, đảm bảo sản lượng nguyên vật liệu đầu vào ổn định với giá cả phải chăng để hạn chế rủi ro khi giá nguyên vật liệu biến động đột ngột.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Để hoàn thành nhiệm vụ do cổ đông đề ra, Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện biện pháp nhằm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tăng cường công tác xây dựng củng cố đoàn kết nội bộ giúp doanh nghiệp vượt qua những khó khăn trong năm. Cụ thể, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện công tác tài chính, kế toán theo quy định, quản trị dòng tiền, quản lý tình hình thực hiện các dự án trong doanh nghiệp;
- Xây dựng, triển khai các chiến lược hoạt động sản xuất, kinh doanh dựa trên tình hình thực tế của Công ty và bám sát Nghị quyết mà đại hội đồng cổ đông đã đề ra giúp cải thiện lợi nhuận của doanh nghiệp trong năm;
- Thực hiện đúng các quy định về lương thưởng, phúc lợi theo pháp luật và Điều lệ Công ty, trả lương đúng hạn, đầy đủ và công bằng, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp thúc đẩy năng suất lao động;
- Không ngừng học hỏi, nâng cao khả năng quản lý, điều hành và phân phối hoạt động của các phòng ban trong Công ty một cách nhịp nhàng để mang lại hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp.





CHƯƠNG V: BÁO CÁO QUẢN TRỊ Công ty

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

(ngày 31/12/2020)

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch	0
2	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	5,12
3	Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	0
4	Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	0
5	Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên	0

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch	06/06	100%	
2	Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên	06/06	100%	
3	Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	06/06	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	06/06	100%	
5	Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên	0	0	Nghỉ chế độ hưu, Chủ sở hữu làm hồ sơ thay người chậm

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	163/QĐ-HĐQT	11/26/2020	Trình ĐHCĐ thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT	80%
2	149/QĐ-HĐQT	10/22/2020	Bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng	80%
3	142/NQ-HĐQT	9/24/2020	Nghị quyết họp HĐQT:	80%
			Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng và kế hoạch SXKD năm 2020. Đề nghị Ban điều hành rà soát lại chi phí vật tư và các chi phí khác để tránh gây lãng phí, cố gắng tìm kiếm đơn hàng mới đảm bảo đạt kế hoạch doanh thu và duy trì công việc cho người lao động.	
			Thông qua bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng có thời hạn 1 năm đối với chị Châu	
4	77/QĐ-HĐQT	6/1/2020	Thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2020	80%
5	76/QĐ-HĐQT	6/1/2020	Thông qua ngày tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020	80%
6	45/QĐ-HĐQT	4/6/2020	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020	80%
7	20/QĐ-HĐQT	2/19/2020	Nghị quyết HĐQT ngày 19/02/2020	80%
			Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020	
			Thông qua dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 18/04/2020.	



Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng BKS	0
2	Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên BKS	0
3	Ông Đinh Văn Hanh	Thành viên BKS	0,014

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Văn Sơn	2	100%	100%
2	Bà Vũ Thanh Phương	2	100%	100%
3	Ông Đinh Văn Hanh	2	100%	100%

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

BKS đã tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, ĐHCĐ, giám sát tính hợp pháp các hoạt động của HĐQT, BGD trong việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHCĐ. Báo cáo ĐHCĐ về công tác kiểm tra, giám sát hằng năm

Giám sát trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các văn bản HĐQT, BGD trong công tác quản lý, điều chỉnh phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty

Giám sát tình hình tài chính, công tác công bố thông tin theo đúng quy định của Luật Kế toán và Luật chứng khoán.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT về công tác đầu tư, SXKD và một số công tác khác.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

STT	Thành phần	Thù lao	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị	73.440.000	1.055.328.845	4.000.000
II	Ban kiểm soát	30.240.000	477.038.461	2.000.000
III	Ban điều hành	-	421.292.307	2.000.000
Tổng cộng		103.680.000	1.953.659.613	8.000.000





CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
đã được kiểm toán

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty là: Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Đoàn Minh Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên (đến ngày 14/01/2021)
Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên
Ông Phạm Sơn Hà	Thành viên (từ ngày 14/01/2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Liêm	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Loan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Long Châu	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Sơn	Trưởng ban
Bà Vũ Thanh Phương	Thành viên
Ông Đinh Văn Hạnh	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo



Thay mặt Hội đồng Quản trị
Đoàn Minh Toàn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 02 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Liêm
Tổng Giám đốc



Số: 22-2/BCKT/TC

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp, được lập ngày 08/02/2021, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Nguyễn Anh Tuấn
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Hồ Nam
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 4308-2018-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.554.356.779	79.216.291.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.969.461.491	3.503.034.344
1. Tiền	111		2.969.461.491	3.503.034.344
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		220.000.000	220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	220.000.000	220.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.166.793.030	16.315.678.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.913.734.834	15.954.322.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	25.212.318	32.341.575
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	227.845.878	329.013.935
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	26.754.959.050	54.205.369.536
1. Hàng tồn kho	141		26.754.959.050	54.205.369.536
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.443.143.208	4.972.209.213
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	644.970.593	567.384.187
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.610.691.277	3.436.296.290
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	187.481.338	968.528.736
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.240.881.726	4.878.570.414
I. Tài sản cố định	220		2.738.290.726	4.516.042.414
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.738.290.726	4.516.042.414
- Nguyên giá	222		72.466.610.031	72.097.077.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.728.319.305)	(67.581.035.489)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		855.948.500	855.948.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(855.948.500)	(855.948.500)
II. Tài sản dài hạn khác	260		502.591.000	362.528.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	502.591.000	362.528.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56.795.238.505	84.094.861.959

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.695.593.949	58.577.495.333
I. Nợ ngắn hạn	310		30.695.593.949	58.577.495.333
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	5.076.060.685	4.669.704.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	18.914.342.914	45.417.419.902
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	35.031.324	61.899.254
4. Phải trả người lao động	314		2.667.192.036	5.733.055.439
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	758.623.803	935.034.590
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	2.131.301.992	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.113.041.195	1.760.381.195
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.099.644.556	25.517.366.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	26.099.644.556	25.517.366.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.999.480.000	35.999.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.153.717.823	6.153.717.823
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.053.553.267)	(16.635.831.197)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(16.635.831.197)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		582.277.930	(16.635.831.197)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56.795.238.505	84.094.861.959

Người lập biểu



Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		136.782.582.115	145.714.013.808
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	136.782.582.115	145.714.013.808
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.982.788.057	143.722.972.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.799.794.058	1.991.041.439
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	536.049.541	435.446.899
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	214.082.716	256.388.024
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		179.240.037	256.388.024
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.957.265.379	5.158.178.822
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.745.850.627	14.686.813.842
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(581.355.123)	(17.674.892.350)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.167.517.478	1.096.292.362
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.884.425	54.803.309
13. Lợi nhuận khác	40		1.163.633.053	1.041.489.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		582.277.930	(16.633.403.297)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	2.427.900
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		582.277.930	(16.635.831.197)
18. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	162	(4.621)

Người lập biểu

Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm

2138
 CÔNG
 NIÊM
 VỤ T
 ĐINH
 KIỂM
 AM V
 TP. H

11/11/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	83.939.773.703	92.506.027.992
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(52.234.160.488)	(51.485.504.511)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.475.544.227)	(33.876.473.647)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(179.240.037)	(256.388.024)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(170.000.000)	(112.427.900)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.906.206.908	6.615.872.941
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.110.509.652)	(3.939.193.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.323.473.793)	9.451.912.888
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(550.000.000)	(76.200.000)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	40.909.091	186.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	18.099.541	135.986.306
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(490.991.368)	246.149.942
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.438.377.263	11.677.994.439
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.307.075.271)	(18.462.299.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.131.301.992	(6.784.305.330)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(683.163.169)	2.913.757.500
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.503.034.344	589.276.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	149.590.316	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.969.461.491	3.503.034.344

Người lập biểu

Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2020**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 2385/QĐ-TCCB ngày 22/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4103004265 ngày 16/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 929 – 931 Quốc lộ 1A, phường Thới An, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Chế tạo các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ. Lắp đặt máy móc. Xây dựng dân dụng và công nghiệp. Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính; Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-20 năm
- Máy móc thiết bị	5-10 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị quản lý	3-5 năm
- Phần mềm quản lý	3 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	279.148.401	25.398.805
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.690.313.090	3.477.635.539
Cộng	2.969.461.491	3.503.034.344

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	220.000.000	220.000.000
Cộng	220.000.000	220.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
AAF International LTD	6.549.009.518	5.995.016.000
Siemens Aktiengesellschaft	573.399.996	8.586.766.714
Howden UK	-	1.312.292.228
Aarding Thermal Acoustics	13.620.246.087	-
Phải thu khách hàng khác	171.079.233	60.248.000
Cộng	20.913.734.834	15.954.322.942

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước cho người bán khác	25.212.318	32.341.575
Cộng	25.212.318	32.341.575

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	90.294.930	164.972.147
Phải thu về bảo hiểm xã hội	137.550.948	164.041.788
Cộng	227.845.878	329.013.935

6. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.498.903.072	-	9.009.712.732	-
Công cụ, dụng cụ	628.542.248	-	647.644.542	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.627.513.730	-	44.534.571.199	-
Hàng hóa	-	-	13.441.063	-
Cộng	26.754.959.050	-	54.205.369.536	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	644.970.593	567.384.187
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	644.970.593	567.384.187
Chi phí trả trước dài hạn	502.591.000	362.528.000
Chi phí sửa chữa	502.591.000	362.528.000
Cộng	1.147.561.593	929.912.187

15



CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá	17.643.846.083	49.916.120.687	3.882.676.906	654.434.227	72.097.077.903
Số dư đầu năm	-	550.000.000	-	-	550.000.000
Mua trong năm	-	180.467.872	-	-	180.467.872
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	17.643.846.083	50.285.652.815	3.882.676.906	654.434.227	72.466.610.031
Giá trị hao mòn lũy kế	16.599.298.048	46.584.606.910	3.757.018.526	640.112.005	67.581.035.489
Số dư đầu năm	348.342.646	1.834.400.463	114.408.380	14.322.222	2.311.473.711
Khấu hao trong năm	-	164.189.895	-	-	164.189.895
Thanh lý, nhượng bán	16.947.640.694	48.254.817.478	3.871.426.906	654.434.227	69.728.319.305
Số dư cuối năm	1.044.548.035	3.331.513.777	125.658.380	14.322.222	4.516.042.414
Giá trị còn lại	696.205.389	2.030.835.337	11.250.000	-	2.738.290.726
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.506.108.797 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 59.492.100.805 đồng)

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	
Nguyên giá		
Số dư đầu năm		855.948.500
Số tăng trong năm		-
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		855.948.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm		855.948.500
Khấu hao trong năm		-
Số giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		855.948.500
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm		-
Tại ngày cuối năm		-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thép Nam Việt		-
Công ty TNHH thương mại xây dựng Quang Minh Anh	815.070.190	1.159.906.000
Công ty TNHH King's Grating	-	908.087.930
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	-	941.744.978
Công ty Cổ phần Quốc tế Sao Việt	3.326.372.665	-
Phải trả người bán khác	934.617.830	1.659.966.045
Cộng	5.076.060.685	4.669.704.953

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
ANDRITZ	-	309.276.514
AAF (Wuhan) Co.,Ltd	-	2.925.466.265
Howden	3.496.145.092	3.496.145.092
Nem Power	-	16.507.522
Siemens	15.159.578.380	35.483.016.126
Aarding Thermal Acoustics	-	2.957.008.383
Công ty TNHH sản xuất thương mại Linh Giang	258.619.442	230.000.000
Cộng	18.914.342.914	45.417.419.902

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế phải nộp				
Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế nhập khẩu	-	1.879.013	1.879.013	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.899.254	196.052.531	222.920.461	35.031.324
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	1.299.263.701	1.299.263.701	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	61.899.254	1.501.195.245	1.528.063.175	35.031.324
Thuế phải thu				
Thuế TNDN nộp thừa	17.481.338	-	170.000.000	187.481.338
Thuế xuất, nhập khẩu	951.047.398	951.047.398	-	-
Cộng	968.528.736	951.047.398	170.000.000	187.481.338

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	230.720.683	352.849.783
Cổ tức phải trả	199.930.540	199.930.540
Phải trả về thu hộ thuế TNCN	108.129.937	53.917.124
Phải trả khác	219.842.643	328.337.143
Cộng	758.623.803	935.034.590

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2020	Trong năm		31/12/2020
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	14.438.377.263	(12.307.075.271)	2.131.301.992
Cộng	-	14.438.377.263	(12.307.075.271)	2.131.301.992

Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/94230/HĐTD ngày 12/12/2019. Hạn mức 70 tỷ VNĐ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.999.480.000	6.153.717.823	1.074.337.313	43.227.535.136
Lỗ trong năm trước	-	-	(16.635.831.197)	(16.635.831.197)
Trích quỹ năm 2018	-	-	(1.074.337.313)	(1.074.337.313)
Số dư cuối năm trước	35.999.480.000	6.153.717.823	(16.635.831.197)	25.517.366.626
Lãi trong năm nay	-	-	582.277.930	582.277.930
Số dư cuối năm nay	35.999.480.000	6.153.717.823	(16.053.553.267)	26.099.644.556

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	%	01/01/2020 VND	%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	9.360.000.000	26	9.360.000.000	26
Vốn góp của các đối tượng khác	26.639.480.000	74	26.639.480.000	74
Cộng	35.999.480.000	100	35.999.480.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	35.999.480.000	35.999.480.000
Vốn góp cuối năm	35.999.480.000	35.999.480.000
Cổ tức đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.599.948	3.599.948
- Cổ phiếu phổ thông	3.599.948	3.599.948

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý		969.869.450		969.869.450
Ngoại tệ các loại				
+ USD	71.209,30		81.828,13	
+ EUR	1.406,52		2.179,96	
+ AUD	2.317,47		558,92	

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.782.582.115	145.714.013.808
Doanh thu thuần bán thành phẩm	136.569.153.024	145.657.107.108
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	213.429.091	56.906.700
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	119.802.696.048	143.681.766.394
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	180.092.009	41.205.975
Cộng	119.982.788.057	143.722.972.369
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.099.541	39.782.306
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	299.460.593
Doanh thu hoạt động tài chính khác	517.950.000	96.204.000
Cộng	536.049.541	435.446.899
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	179.240.037	256.388.024
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34.842.679	-
Cộng	214.082.716	256.388.024
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	1.265.135.379	2.257.231.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.692.130.000	2.900.947.016
Cộng	3.957.265.379	5.158.178.822

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	10.174.889.608	7.718.550.388
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	189.352.385	33.192.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.322.222	88.224.655
Chi phí thuế, phí, lệ phí	1.276.768.818	1.688.186.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.668.306.452	3.436.401.079
Chi phí bằng tiền khác	422.211.142	1.722.258.822
Cộng	13.745.850.627	14.686.813.842

7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	24.631.114	186.363.636
Thu từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	1.142.886.364	909.928.726
Cộng	1.167.517.478	1.096.292.362

8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt hành chính	3.884.425	51.467.127
Chi phí khác	-	3.336.182
Cộng	3.884.425	54.803.309

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	582.277.930	(16.633.403.297)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm	12.884.425	(331.197.466)
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.884.425	64.467.127
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	395.664.593
Tổng lợi nhuận chịu thuế	595.162.355	(16.964.600.763)
Lỗ được chuyển các năm trước	(595.162.355)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	-	(16.964.600.763)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh nộp thêm theo quyết toán thuế	-	2.427.900
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	2.427.900

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế các năm trước vì khả năng Công ty không có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VÀ XÂY LẬP CÔNG NGHIỆP
929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	582.277.930	(16.635.831.197)
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	582.277.930	(16.635.831.197)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	3.599.948	3.599.948
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	162	(4.621)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.840.505.776	81.226.597.683
Chi phí nhân công	34.569.574.126	44.345.506.266
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.311.473.711	2.603.062.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.384.539.058	11.315.885.712
Chi phí khác bằng tiền	2.672.753.923	3.467.625.280
Cộng	113.778.846.594	142.958.676.989

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng	1.961.659.613	2.171.591.331
Thù lao	103.680.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty chủ yếu tập trung vào nhóm sản xuất thiết bị cơ khí, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại một số khu vực địa lý, nhưng không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.969.461.491	3.503.034.344	2.969.461.491	3.503.034.344
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.051.285.782	16.118.364.730	21.051.285.782	16.118.364.730
Cộng	24.020.747.273	19.621.399.074	24.020.747.273	19.621.399.074
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	2.131.301.992	-	2.131.301.992	-
Phải trả người bán	5.076.060.685	4.669.704.953	5.076.060.685	4.669.704.953
Phải trả khác	527.903.120	582.552.598	527.903.120	582.552.598
Cộng	7.735.265.797	5.252.257.551	7.735.265.797	5.252.257.551

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng vào ngày 31/12/2019 và vào ngày 31/12/2020. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2019 và vào ngày 31/12/2020.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm	Cộng
Số cuối năm	7.735.265.797	-	7.735.265.797
Các khoản vay	2.131.301.992	-	2.131.301.992
Phải trả người bán	5.076.060.685	-	5.076.060.685
Phải trả khác	527.903.120	-	527.903.120
Số đầu năm	5.252.257.551	-	5.252.257.551
Phải trả người bán	4.669.704.953	-	4.669.704.953
Phải trả khác	582.552.598	-	582.552.598

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

929 – 931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm và đến nay lập báo cáo này không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Võ Thị Bích Ngọc

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Long Châu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Liêm



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2021
 NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đoàn Minh Toàn